

Bản án số: 04/2019/HS - ST

Ngày: 27/02/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Nuôi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông A Hoàn

Nơi công tác: Huyện Đoàn Kon Plông, tỉnh Kon Tum

2. Ông Đinh Su Giang

Nơi công tác: Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

***Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2019/TLST – HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2019/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo A Đ; sinh ngày 10/10/2002 tại huyện K, tỉnh K, nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh K; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Xơ Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông A M và bà Y D; cùng trú tại: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh K

Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:***

+ A M; sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

***- Người bào chữa cho bị cáo:***

+ Ông Đinh Văn H – Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Văn Hiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa).

***- Những người bị hại:***

+ A Q; sinh ngày 27/8/2002; nơi cư trú: Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

+ A Đ; sinh ngày 30/11/2001; nơi cư trú: Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

+ A T; sinh ngày 07/11/2002; nơi cư trú: Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người đại diện hợp pháp của người bị hại:**

+ Ông Thái Văn H – Giáo viên trường Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K, tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:**

+ Bà Nguyễn Thị Thuý H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K (Có mặt tại phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 12 giờ ngày 21/10/2018, A T; sinh năm 2000 mượn xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 004.27 của A V; sinh năm 1989 cùng trú tại Thôn T, xã M, huyện K, tỉnh K nhờ A Đ sinh ngày 10/10/2002 chở ra Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Kon P để đi học. A Đ và A T đi đến cổng trường thì A T đi vào trường học và nói A Đ điều khiển xe mô tô về xã M để trả cho A V. Tuy nhiên, chưa muốn về nên A Đ điều khiển xe mô tô đi đến quán Internet Minh Thành tại thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh K để chơi Game. Trong lúc chơi Game tại quán, A Đ gặp một đối tượng tự xưng tên P nhà ở huyện Kon Rẫy, P nói với A Đ vào trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Kon Plông lấy cho P 03 điện thoại di động loại cảm ứng, P sẽ trả cho Đèo mỗi cái là 500.000 đồng và hẹn A Đ gặp tại ngã ba đường đèo Măng Đen vào lúc 21 giờ 30 phút để đưa điện thoại và lấy tiền. Lúc này, A Đ không trả lời P nhưng vẫn nảy sinh ý định đi trộm cắp điện thoại để kiếm tiền tiêu xài. P đi ra khỏi quán còn A Đ vẫn tiếp tục ngồi chơi Game một lúc rồi đi dạo tại trung tâm huyện Kon Plông, sau đó A Đ quay lại quán Internet Minh Thành để tiếp tục xem phim. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, A Đ điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 004.27 đi đến trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K với mục đích trộm cắp tài sản. A Đ để xe mô tô bên đường đối diện trường và đi bộ vào trường theo lối cổng phụ vào khu nội trú của học sinh nam. A Đ đi cầu thang bộ lên tầng 2, đột nhập vào phòng số 26, 27 và 29 khu nội trú trộm cắp được 03 điện thoại màn hình cảm ứng, cả 03 điện thoại đều đang kết nối để sạc pin. Sau đó, A Đ đi ra ngoài, bỏ 02 cái điện thoại trộm cắp được vào trong cốp xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 004.27, bỏ 01 cái điện thoại trộm cắp được vào túi quần và điều khiển xe mô tô đến quán Internet Minh Thành để trả tiền giờ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày A T, A Q và A Đ học xong về nghỉ thì đều phát hiện điện thoại bị kẻ gian chiếm đoạt nên A T, A Q và A Đ rủ thêm Hà Viết Trung K sinh năm 2000 và A T sinh năm 2000 là học sinh lớp 12 trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K đi tìm kiếm. Khi đến quán Internet Minh Thành, thấy A Đ có dấu hiệu khả nghi nên A Đ, A Q, A T, A Tr và Hà Viết Trung K đến hỏi A Đ về việc trộm cắp điện thoại di động, khi mở cốp xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 004.27 và lục trong túi quần A Đ thì A Đ, A T, A Q, A Tr và Hà Viết Trung K phát hiện 03 chiếc

điện thoại di động mà A Đ mới trộm cắp được nên đưa A Đ đến Công an huyện Kon Plông để làm việc.

Ngày 22/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông ra yêu cầu định giá tài sản số 29 đối với 03 chiếc điện thoại mà A Đ đã chiếm đoạt.

Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 24/10/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận 03 chiếc điện thoại do A Đ chiếm đoạt có giá trị 6.848.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

Cáo trạng số: 03/CT - VKS ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị cáo A Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Măng Bút, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định và trả cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập.

Bị cáo A Đ không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, công nhận quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị cáo ông A M:** Không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, công nhận quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng, đề nghị Hội đồng xem xét hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Luật sư Đinh Văn H:** Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo A Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ nhận thấy rằng bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 và tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về mức hình phạt thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức khởi điểm là 09 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo A Đ.

***Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:*** Không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa, công nhận quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Vì mục đích muốn có tiền tiêu xài, nên ngày 21/10/2018 tại phòng tập thể số 26, 27 và 29 khu nội trú nam trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện K bị cáo A Đ đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 03 chiếc điện thoại di động của A T, A Q và A Đ có tổng giá trị tài sản là 6.848.000 đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh chính trị tại địa phương, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của bị cáo gây ra. Vì vậy, cần phải xử bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[3]. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy cần chấp nhận lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Một trong các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự chủ yếu là nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, tính đến thời điểm phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 11 ngày nên cần áp dụng các quy định đối với người dưới 18

tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự bao gồm Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án vẫn đảm bảo việc giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người chưa thành niên, lao động tự do có điều kiện kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định số tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại A Q, A T và A Đ nên đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 82L1 – 004.27 do A Tượng mượn của A V. Việc A Đ sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì A Tượng và A V không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã trả lại cho A V là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo A Đ bị kết án nên bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo A Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A Đ 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh K giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Bị cáo là người chưa thành niên nên được miễn khấu trừ thu nhập

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A Đ phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Nuôi**

